

Số: /2021/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư
và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ hướng dẫn một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 37/2015/NĐ-CP hướng dẫn về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT, ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn hợp đồng thi công xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm;

Căn cứ Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất.

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương dự án nhóm C trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 41/TTr-SKHĐT ngày 14 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2021 và thay thế Quyết định số 442/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định phân

cấp, uỷ quyền thực hiện quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp luật - Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các Ban của Đảng;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, các phòng;
 - + Cổng thông tin điện tử;
 - + Lưu: VT, XD Tuần.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích

QUY ĐỊNH**Một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

*(Kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2021
của UBND tỉnh Bắc Giang)*

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước, vốn khác thực hiện trên địa bàn tỉnh (không bao gồm dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu dân cư không sử dụng vốn nhà nước thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và quy định về viết tắt

1. Hội đồng nhân dân viết là HĐND.
2. Ủy ban nhân dân viết tắt là UBND.
3. Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh bao gồm: Các Sở, ngành, tổ chức hành chính khác trực thuộc UBND tỉnh.
4. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh theo chuyên ngành quy định tại khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ bao gồm: Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; viết tắt là Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh.
5. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện bao gồm: Phòng Quản lý đô thị thành phố Bắc Giang, Phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện.
6. Báo cáo nghiên cứu khả thi viết tắt là BCNCKT.
7. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng viết tắt là BCKTKT.
8. Thiết kế kỹ thuật - dự toán viết tắt là Thiết kế KT - DT.
9. Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán viết tắt là Thiết kế BVTC - DT.

10. Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 viết tắt là Luật Đầu tư công năm 2019.

11. Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 viết tắt là Luật Xây dựng năm 2014.

12. Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng viết tắt là Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020.

13. Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước viết tắt là NĐ 73/CP.

14. Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công viết tắt là NĐ 40/CP.

15. Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng viết tắt là NĐ 06/CP.

16. Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng viết tắt là NĐ 10/CP.

17. Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng viết tắt là NĐ 15/CP.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG, NGUỒN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 4. Lập kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh quản lý:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư lập kế hoạch đầu tư trung hạn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, thuộc chi cục hoặc tương đương của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư lập kế hoạch đầu tư trung hạn gửi cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo UBND tỉnh.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý

Đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư lập kế hoạch đầu tư trung hạn gửi phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tổng hợp, báo cáo UBND cấp huyện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp để báo cáo UBND tỉnh.

Điều 5. Lập, thẩm định, phê duyệt, giao kế hoạch vốn hàng năm từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh quản lý:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư lập kế hoạch đầu tư hàng năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư cho các đơn vị sự nghiệp;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, thuộc chi cục hoặc tương đương của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư lập kế hoạch đầu tư hàng năm gửi cơ quan chuyên môn cấp tỉnh để thẩm định.

UBND tỉnh ủy quyền cho cơ quan chuyên môn cấp tỉnh phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư hàng năm cho các đơn vị sự nghiệp.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý

Đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư lập kế hoạch đầu tư gửi phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm định, trình UBND cấp huyện phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư hàng năm cho các đơn vị sự nghiệp.

Điều 6. Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước, nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước

1. Chủ tịch UBND các cấp giao cho cơ quan chuyên môn hoặc UBND cấp dưới trực tiếp tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư.

2. Các dự án sử dụng toàn bộ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước có tính chất đầu tư xây dựng nằm trong dự toán ngân sách đã giao thì không phải lập chủ trương đầu tư.

3. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư:

a) HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A trên địa bàn tỉnh, dự án nhóm B do tỉnh quản lý;

b) UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C do tỉnh quản lý được HĐND tỉnh giao tại Nghị quyết số 38/2019/NQ-HĐND;

c) HĐND cấp huyện, cấp xã quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C do cấp mình quản lý, bao gồm cả dự án sử dụng vốn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên.

Trường hợp cần thiết, HĐND cấp huyện, cấp xã giao cho UBND cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, khả năng tài chính và đặc điểm cụ thể của địa phương;

4. Trách nhiệm thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

a) Đối với dự án nhóm A, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư để tổ chức thẩm định;

b) Đối với dự án nhóm B, C do cấp tỉnh quản lý, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định;

c) Đối với dự án nhóm B, C do cấp huyện quản lý, phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm định;

d) Đối với dự án nhóm B, C do cấp xã quản lý, công chức Tài chính - Kế toán cấp xã tham mưu trình Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư để tổ chức thẩm định.

5. Trách nhiệm thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn:

a) Việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn là một nội dung trong thẩm định chủ trương đầu tư dự án;

b) Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn từ ngân sách cấp trên hỗ trợ:

Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn các dự án sử dụng vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh;

UBND cấp huyện giao phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn các dự án sử dụng vốn hỗ trợ từ ngân sách cấp huyện.

Điều 7. Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

1. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án.

2. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư:

a) Chủ tịch UBND các cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tự đảm bảo chi thường xuyên; dự án nhóm A, B của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc khác (trừ các đơn vị được quy định tại điểm b, c khoản này);

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A, B, C thuộc đơn vị mình quản lý;

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C thuộc đơn vị mình quản lý;

d) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập khác (trừ các đơn vị được quy định tại điểm b, c khoản này) quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C thuộc đơn vị mình quản lý.

3. Cơ quan thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

a) Đối với dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định;

b) Đối với dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư, phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm định;

c) Đối với dự án do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định chủ trương đầu tư, công chức Tài chính - Kế toán cấp xã chủ trì tổ chức thẩm định;

d) Đối với các dự án khác, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập giao cho bộ phận chuyên môn trực thuộc tổ chức thẩm định.

Mục 2

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 8. Lập, trình thẩm định dự án đầu tư

1. Chủ đầu tư tổ chức lập BCNCKT, BCKTKT, trình cơ quan chủ trì thẩm định của người quyết định đầu tư, cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

2. Đối với các công trình cải tạo, sửa chữa, bảo trì, nâng cấp cơ sở vật chất sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước có dự toán xây dựng dưới 500 triệu đồng, kỹ thuật đơn giản và không làm thay đổi kết cấu chịu lực chính, kiến trúc của công trình cũ thì không phải lập dự án đầu tư, thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Quy định này.

3. Đối với trường hợp cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin có tổng chi phí từ 15 tỷ đồng trở xuống thì không phải lập dự án đầu tư, thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Quy định này.

Điều 9. Trách nhiệm thẩm định, tổng hợp kết quả thẩm định dự án sử dụng vốn đầu tư công có cấu phần xây dựng

1. Dự án do tỉnh quản lý:

a) Đối với dự án nhóm A: Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh chủ trì thẩm định nội dung BCNCKT dự án của người có thẩm quyền quyết định đầu tư; tổng hợp kết quả thẩm định trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt;

b) Đối với dự án nhóm B, C: Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh chủ trì thẩm định nội dung BCNCKT dự án của người có thẩm quyền quyết định đầu tư và của cơ quan chuyên môn về xây dựng; thẩm định BCKTKT của người có thẩm quyền quyết định đầu tư; tổng hợp kết quả thẩm định trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt.

2. Dự án do cấp huyện quản lý:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện chủ trì thẩm định nội dung BCNCKT dự án của người có thẩm quyền quyết định đầu tư, BCKTKT của người có thẩm quyền quyết định đầu tư; tổng hợp kết quả thẩm định trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt;

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định nội dung BCNCKT dự án nhóm B và nhóm C của cơ quan chuyên môn về xây dựng (trừ trường hợp phân cấp cho phòng Quản lý đô thị của thành phố quy định tại điểm c khoản này); gửi kết quả thẩm định cho cơ quan chủ trì thẩm định của người có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án;

c) Phòng Quản lý đô thị thành phố thẩm định nội dung BCNCKT dự án của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án nhóm C có quy mô từ cấp III trở xuống do Chủ tịch UBND thành phố quyết định đầu tư.

3. Dự án do cấp xã quản lý:

a) Công chức Địa chính - Xây dựng cấp xã chủ trì thẩm định nội dung BCNCKT dự án của người có thẩm quyền quyết định đầu tư, BCKTKT của người có thẩm quyền quyết định đầu tư; tổng hợp kết quả thẩm định trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt.

Trường hợp công chức Địa chính - Xây dựng cấp xã không đủ năng lực để thực hiện thẩm định BCNCKT dự án, BCKTKT, Chủ tịch UBND cấp xã đề nghị UBND cấp huyện giao cho cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện thực hiện thẩm định làm cơ sở để quyết định đầu tư dự án.

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định nội dung BCNCKT dự án của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án nhóm B và nhóm C (trừ trường hợp phân cấp cho phòng Quản lý đô thị của thành phố quy định tại điểm c khoản này); gửi kết quả thẩm định cho công chức Địa chính - Xây dựng cấp xã;

c) Phòng Quản lý đô thị thành phố thẩm định nội dung BCNCKT dự án của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án nhóm C có quy mô từ cấp III trở xuống do Chủ tịch UBND cấp xã thuộc UBND thành phố quyết định đầu tư.

4. Dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư:

a) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp giao bộ phận chuyên môn trực thuộc chủ trì thẩm định nội dung BCNCKT dự án, BCKTKT của người có thẩm quyền quyết định đầu tư; tổng hợp kết quả thẩm định trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt.

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định nội dung BCNCKT dự án của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án nhóm B và nhóm C do đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện quản lý (trừ trường hợp phân cấp cho phòng Quản lý đô thị của thành phố quy định tại điểm c khoản này); gửi kết quả thẩm định cho đơn vị sự nghiệp;

c) Phòng Quản lý đô thị thành phố thẩm định nội dung BCNCKT dự án của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án nhóm C có quy mô từ cấp III trở xuống do đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thành phố làm chủ đầu tư; gửi kết quả thẩm định cho đơn vị sự nghiệp.

Điều 10. Trách nhiệm thẩm định, tổng hợp kết quả thẩm định dự án sử dụng vốn đầu tư công không có cấu phần xây dựng (trừ dự án ứng dụng công nghệ thông tin)

1. Dự án do tỉnh quản lý: Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì thẩm định dự án; tổng hợp kết quả thẩm định trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt.

2. Dự án do cấp huyện quản lý: Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện chủ trì thẩm định dự án; tổng hợp kết quả thẩm định trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt.

3. Dự án do cấp xã quản lý: Công chức Tài chính - Kế toán cấp xã chủ trì thẩm định dự án; tổng hợp kết quả thẩm định trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt.

Trường hợp công chức Tài chính - Kế toán cấp xã không đủ năng lực để thực hiện thẩm định dự án, Chủ tịch UBND cấp xã đề nghị UBND cấp huyện giao cho phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm định làm cơ sở để quyết định đầu tư dự án.

4. Dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp giao bộ phận chuyên môn trực thuộc tổ chức thẩm định BCNCKT dự án, BCKTKT.

Điều 11. Trách nhiệm thẩm định, tổng hợp kết quả thẩm định dự án ứng dụng công nghệ thông tin

1. Dự án do tỉnh quản lý:

a) Đối với dự án nhóm A: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì thẩm định BCNCKT, BCKTKT dự án; tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh gửi hồ sơ đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế cơ sở của BCNCKT theo khoản 1 Điều 20 NĐ 73/CP hoặc thẩm định thiết kế chi tiết của BCKTKT theo điểm b khoản 2 Điều 22 NĐ 73/CP; tổng hợp kết quả thẩm định trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt;

b) Đối với dự án nhóm B, C: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì thẩm định BCNCKT, BCKTKT dự án (bao gồm cả thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết của BCKTKT dự án); tổng hợp kết quả thẩm định trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt.

Trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông là chủ đầu tư dự án, Sở Thông tin và Truyền thông thành lập Hội đồng thẩm định để tổ chức thẩm định BCNCKT, BCKTKT dự án.

2. Dự án do cấp huyện quản lý:

Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện chủ trì thẩm định BCNCKT dự án, BCKTKT; tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp huyện gửi hồ sơ đề nghị Sở

Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế cơ sở của BCNCKT theo khoản 2 Điều 20 NĐ 73/CP hoặc thẩm định thiết kế chi tiết của BCKTKT theo điểm c khoản 2 Điều 22 NĐ 73/CP; tổng hợp kết quả thẩm định trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt.

3. Dự án do cấp xã quản lý: Công chức Tài chính - Kế toán cấp xã chủ trì thẩm định BCNCKT, BCKTKT dự án; tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp xã gửi hồ sơ đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế cơ sở của BCNCKT theo khoản 2 Điều 20 NĐ 73/CP hoặc thẩm định thiết kế chi tiết của BCKTKT điểm c khoản 2 Điều 22 NĐ 73/CP; tổng hợp kết quả thẩm định trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt.

Trường hợp công chức Tài chính - Kế toán cấp xã không đủ năng lực để thực hiện thẩm định BCNCKT, BCKTKT dự án, Chủ tịch UBND cấp xã đề nghị UBND cấp huyện giao cho phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm định làm cơ sở để quyết định đầu tư dự án.

4. Dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp giao bộ phận chuyên môn trực thuộc tổ chức thẩm định BCNCKT dự án, BCKTKT; gửi hồ sơ đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế cơ sở của BCNCKT dự án theo khoản 2 Điều 20 NĐ 73/CP hoặc thẩm định thiết kế chi tiết của BCKTKT theo điểm c khoản 2 Điều 22 NĐ 73/CP; bộ phận chuyên môn được giao thẩm định dự án tổng hợp kết quả thẩm định trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt.

Điều 12. Trách nhiệm thẩm định dự án có cấu phần xây dựng sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước

1. Dự án do cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh thực hiện theo khoản 1 Điều 9 Quy định này.

2. Dự án do cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện thực hiện theo khoản 2 Điều 9 Quy định này.

3. Dự án do cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp xã thực hiện theo khoản 3 Điều 9 Quy định này.

Điều 13. Trách nhiệm thẩm định dự án có cấu phần xây dựng sử dụng vốn khác

1. Chủ sở hữu hoặc người đại diện chủ sở hữu tổ chức thẩm định các nội dung của người có thẩm quyền quyết định đầu tư.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định nội dung BCNCKT dự án của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo lĩnh vực quy định tại khoản 4 Điều 109 NĐ15/CP, đối tượng dự án thẩm định theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 NĐ15/CP.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước

1. Dự án do tỉnh quản lý:

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư dự án nhóm A, B, C do tỉnh quản lý (trừ dự án ủy quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này);

b) Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền:

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng có tổng mức đầu tư dưới 10 tỷ đồng (trừ dự án ứng dụng công nghệ thông tin);

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông quyết định đầu tư dự án ứng dụng công nghệ thông tin có tổng mức đầu tư dưới 10 tỷ đồng;

Thủ trưởng cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh quyết định đầu tư dự án chỉ yêu cầu lập BCKTKT đối với công trình có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng.

2. Dự án do cấp huyện, cấp xã quản lý: Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư dự án nhóm B, nhóm C do cấp mình quản lý, bao gồm cả dự án sử dụng vốn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành cho đầu tư

1. Chủ tịch UBND các cấp quyết định đầu tư dự án nhóm A của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tự đảm bảo chi thường xuyên; dự án nhóm A, B của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc khác (trừ các đơn vị được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này).

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định đầu tư dự án nhóm A, B, C thuộc đơn vị mình quản lý.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định đầu tư dự án nhóm B, C thuộc đơn vị mình quản lý.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập khác, trừ các đơn vị được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này quyết định đầu tư dự án nhóm C thuộc đơn vị mình quản lý.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước

1. Dự án sử dụng nguồn chi thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh quản lý, thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Quy định này.

2. Dự án sử dụng nguồn chi thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý và UBND cấp xã, thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Quy định này.

Điều 17. Điều chỉnh dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công, nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước

Trước khi điều chỉnh dự án, chủ đầu tư gửi văn bản báo cáo người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, chấp thuận chủ trương làm cơ sở lập hồ sơ điều chỉnh dự án; đồng thời gửi cơ quan chủ trì thẩm định dự án của người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, tham mưu cho người có thẩm quyền quyết định đầu tư chấp thuận chủ trương cho điều chỉnh dự án.

Mục 3

LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ, DỰ TOÁN

Điều 18. Lập thiết kế, dự toán công trình; đề cương, dự toán chi tiết và kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin

1. Chủ đầu tư tổ chức lập thiết kế chi tiết, dự toán đối với dự án không có cấu phần xây dựng, thiết kế KT-DT hoặc thiết kế BVTC-DT đối với dự án đầu tư có cấu phần xây dựng trình cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

Chủ đầu tư được thuê đơn vị tư vấn thẩm tra một phần hoặc toàn bộ nội dung của hồ sơ thiết kế chi tiết, dự toán đối với dự án không có cấu phần xây dựng, thiết kế KT-DT hoặc thiết kế BVTC-DT đối với dự án đầu tư có cấu phần xây dựng làm cơ sở để tổ chức thẩm định.

2. Đối với công trình xây dựng cải tạo, sửa chữa, bảo trì, nâng cấp cơ sở vật chất sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước có dự toán xây dựng dưới 500 triệu đồng, kỹ thuật đơn giản và không làm thay đổi kết cấu chịu lực chính, kiến trúc của công trình cũ, chủ đầu tư tổ chức lập thiết kế BVTC-DT, tổ chức thẩm định và phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện.

3. Đối với trường hợp sử dụng kinh phí thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin có tổng chi phí từ 15 tỷ đồng trở xuống, cơ quan, đơn vị lập đề cương, dự toán chi tiết và kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin, trình cơ quan chủ trì thẩm định.

Điều 19. Trách nhiệm thẩm định thiết kế, dự toán đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công không có cấu phần xây dựng (bao gồm cả dự án ứng dụng công nghệ thông tin)

1. Chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế chi tiết, dự toán.

2. Chủ đầu tư được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp tham gia thẩm định.

Điều 20. Trách nhiệm thẩm định thiết kế, dự toán đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước có cấu phần xây dựng

1. Chủ đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế KT-DT (trường hợp dự án thiết kế 3 bước) hoặc thiết kế BVTC-DT (trường hợp dự án thiết kế 2 bước), đồng thời trình hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về xây dựng để thẩm định.

2. Thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng:

a) Dự án sử dụng vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý và dự án sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước do cơ quan, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh quản lý: Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định thiết kế KT-DT hoặc thiết kế BVTC-DT các nội dung của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án nhóm B, C; gửi kết quả thẩm định về chủ đầu tư.

b) Dự án sử dụng vốn đầu tư công do cấp huyện và cấp xã quản lý và dự án sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước do cơ quan, đơn vị sự nghiệp cấp huyện, cấp xã quản lý:

Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định thiết kế KT-DT hoặc thiết kế BVTC-DT các nội dung của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án nhóm B, C (trừ dự án phân cấp cho phòng quản lý đô thị thành phố thẩm định); gửi kết quả thẩm định về chủ đầu tư.

Phòng Quản lý đô thị thành phố thẩm định thiết kế KT-DT hoặc thiết kế BVTC-DT các nội dung của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án nhóm C có quy mô công trình cấp III trở xuống do Chủ tịch UBND thành phố và Chủ tịch UBND các xã phường thuộc UBND thành phố quyết định đầu tư; gửi kết quả thẩm định về chủ đầu tư.

c) Trong quá trình thẩm định, đối với công trình có yêu cầu kỹ thuật phức tạp, các cơ quan chuyên môn về xây dựng đề nghị người có thẩm quyền quyết định đầu tư chấp thuận mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp tham gia thẩm định.

Điều 21. Trách nhiệm thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án có cấu phần xây dựng sử dụng vốn khác

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thực hiện thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với các dự án quy định tại điểm b khoản 4 Điều 36 NBĐ 15/CP được thực hiện tại khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn.

2. Trong quá trình thẩm định, trường hợp cần thiết, cơ quan chuyên môn về xây dựng được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp tham gia thẩm định; kinh phí thuê tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định do chủ đầu tư thanh toán.

Điều 22. Trách nhiệm thẩm định đề cương, dự toán chi tiết và kế hoạch thuê dịch vụ đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Thẩm định đề cương, dự toán chi tiết và kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh; tổng hợp kết quả gửi người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này);

b) Thẩm định phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ trong đề cương, dự toán chi tiết đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh.

2. Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện thẩm định đề cương, dự toán chi tiết và kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã; tổng hợp kết

quả gửi người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này).

3. Cơ quan cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin giao bộ phận chuyên môn trực thuộc thẩm định đề cương, dự toán chi tiết và Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin có tổng mức kinh phí dưới 500 triệu đồng.

Điều 23. Thẩm quyền phê duyệt đề cương, dự toán chi tiết và kế hoạch thuê dịch vụ đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước

1. Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt đề cương, dự toán chi tiết và kế hoạch thuê dịch vụ đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin có tổng mức kinh phí từ 10 tỷ đồng trở lên do tỉnh quản lý.

2. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền:

a) Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông phê duyệt đề cương, dự toán chi tiết và kế hoạch thuê dịch vụ đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin có tổng mức kinh phí dưới 10 tỷ đồng (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này);

c) Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh phê duyệt đề cương, dự toán chi tiết và kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin có tổng mức kinh phí dưới 500 triệu đồng.

3. Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã phê duyệt đề cương, dự toán chi tiết và kế hoạch thuê dịch vụ đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin do cấp mình quản lý.

Điều 24. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán

Chủ đầu tư dự án phê duyệt thiết kế KT-DT hoặc thiết kế BVTC-DT công trình đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước và vốn khác.

Mục 4

QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ

Điều 25. Trách nhiệm lập, công bố định mức xây dựng, đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng

1. UBND tỉnh công bố định mức dự toán cho các công tác xây dựng đặc thù của địa phương chưa có trong hệ thống định mức xây dựng do Bộ Xây dựng công bố, đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá gốc trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Xây dựng:

a) Tổ chức lập, trình UBND tỉnh công bố định mức dự toán xây dựng cho các công việc đặc thù của địa phương chưa có trong hệ thống định mức xây dựng do Bộ Xây dựng công bố, đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá gốc của tỉnh;

b) Tổ chức lập và công bố đơn giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công, chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 26. Quản lý giá vật tư, vật liệu, thiết bị

1. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Sở Tài chính công bố giá các loại vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị trên địa bàn tỉnh.

2. Đối với các vật liệu xây dựng được mua tại nơi sản xuất, mỏ khai thác hoặc từ các đại lý phân phối, căn cứ theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng xác định giá vật tư, vật liệu xây dựng đến công trình, chủ đầu tư tổ chức khảo sát, thu thập giá vật liệu xây dựng tại nơi cung cấp, cự ly vận chuyển, cấp loại đường, giá cước vận chuyển của các doanh nghiệp, hộ cá thể có đăng ký kinh doanh vận tải trên địa bàn hoặc áp dụng định mức vận chuyển do cấp có thẩm quyền công bố, vận dụng bảng phân cấp, phân loại đường, giá cước vận chuyển do cấp có thẩm quyền ban hành và các văn bản khác có liên quan để lập phương án tính giá vật liệu đến hiện trường xây lắp cho phù hợp.

3. Đối với các loại vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình không có trong công bố giá của Liên Sở: Xây dựng - Tài chính thì tại thời điểm lập dự toán xây dựng hoặc điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng, chủ đầu tư tổ chức khảo sát thị trường, lựa chọn giá vật tư, thiết bị phù hợp với mặt bằng giá của thị trường để tính chi phí xây dựng công trình, đảm bảo nguyên tắc chống thất thoát, lãng phí.

Điều 27. Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành

1. Đối với dự án nhóm A chủ đầu tư được lựa chọn đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm để thực hiện kiểm toán trước khi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

2. Đối với dự án nhóm B, trường hợp cần thiết, chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền quyết định đầu tư chấp thuận việc lựa chọn tư vấn kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành làm cơ sở để thực hiện.

3. Đối với dự án nhóm C, chủ đầu tư không thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trước khi trình cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

Điều 28. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư

1. Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công, nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư (trừ trường hợp ủy quyền tại điểm c khoản này);

b) Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư đối với Đề cương, dự toán chi tiết và Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền phê duyệt (trừ trường hợp ủy tại điểm c khoản này);

c) Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền:

Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt quyết toán vốn đầu tư đối với dự án không có cấu phần xây dựng có tổng mức đầu tư dưới 10 tỷ đồng (bao gồm cả dự án ứng dụng công nghệ thông tin), BCKTKT có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng;

Thủ trưởng đơn vị ngân sách cấp tỉnh phê duyệt quyết toán đối với công trình cải tạo, sửa chữa, bảo trì, nâng cấp cơ sở vật chất sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước của đơn vị có dự toán xây dựng dưới 500 triệu đồng thuộc trường hợp không yêu cầu lập dự án.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã: Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công, nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phê duyệt quyết toán vốn đầu tư đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành cho đầu tư.

Mục 5

QUẢN LÝ ĐẦU THẦU, HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG VÀ GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

Điều 29. Trách nhiệm quản lý nhà nước về đấu thầu

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu trên địa bàn tỉnh; tổng hợp công tác đấu thầu báo cáo UBND tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định;

b) Tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện trách nhiệm của người có thẩm quyền trong lựa chọn nhà thầu;

c) Trực tiếp thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh; thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với dự án do UBND tỉnh làm chủ đầu tư; thực hiện kiểm tra hoạt động đấu thầu trên địa bàn tỉnh.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện:

a) Tham mưu cho UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu trên địa bàn; tổng hợp công tác đấu thầu trên địa bàn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để phục vụ công tác báo cáo theo quy định.

b) Tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp huyện thực hiện trách nhiệm của người có thẩm quyền trong lựa chọn nhà thầu;

c) Trực tiếp thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện; thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với dự án do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư.

3. Công chức Tài chính - Kế toán cấp xã:

Tham mưu cho UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện trách nhiệm của người có thẩm quyền và của chủ đầu tư trong lựa chọn nhà thầu; thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết

định của Chủ tịch UBND cấp xã; thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với dự án do UBND cấp xã làm chủ đầu tư; tổng hợp công tác đấu thầu trên địa bàn gửi phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện để phục vụ công tác báo cáo theo quy định.

Điều 30. Ủy quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền:

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án có cấu phần xây dựng lập BCKTKT có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng do tỉnh quản lý; phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án không có cấu phần xây dựng (bao gồm dự án ứng dụng công nghệ thông tin) có tổng mức đầu tư dưới 10 tỷ đồng do tỉnh quản lý.

Giám đốc Sở Tài chính: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đề cương, dự toán chi tiết và kế hoạch thuê dịch vụ đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước có tổng mức kinh phí dưới 10 tỷ đồng do tỉnh quản lý.

Điều 31. Trách nhiệm các đơn vị trong việc thực hiện lựa chọn nhà thầu

1. Đối với gói thầu thuộc dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư (bao gồm cả dự án ủy quyền quyết định đầu tư cho các Giám đốc sở, Trưởng ban Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh), trường hợp không tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng, khi mở thầu, bên mời thầu có trách nhiệm mời Sở Kế hoạch và Đầu tư giám sát việc tổ chức đấu thầu. Sau thời điểm mở thầu, bên mời thầu gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư 01 bộ hồ sơ (gồm hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu của các nhà thầu) để thực hiện công tác quản lý nhà nước về Đấu thầu.

2. Đối với gói thầu thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư, trường hợp không tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng, khi mở thầu, bên mời thầu mời phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện đến giám sát việc tổ chức lựa chọn nhà thầu. Sau thời điểm mở thầu, bên mời thầu gửi phòng Tài chính - Kế hoạch 01 bộ hồ sơ (gồm hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu của các nhà thầu) để thực hiện công tác quản lý nhà nước về Đấu thầu.

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm lập, phê duyệt dự toán gói thầu để thay thế giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt làm cơ sở để tổ chức lựa chọn nhà thầu. Dự toán gói thầu được xác định cụ thể cho từng gói thầu, phù hợp với phạm vi công việc, thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu, loại hợp đồng áp dụng cho gói thầu đã được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án. Dự toán gói thầu (giá gói thầu) được cập nhật trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật về Đấu thầu.

Trường hợp khi lập dự toán gói thầu hoặc cập nhật dự toán gói thầu cao hơn dự toán xây dựng công trình đã phê duyệt, chủ đầu tư phải thực hiện thủ tục điều chỉnh dự toán xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về Xây dựng làm cơ sở để phê duyệt dự toán gói thầu.

Điều 32. Tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng

1. Hàng năm, UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu của các dự án thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành xây dựng kế hoạch tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do mình làm chủ đầu tư, đảm bảo tỷ lệ số lượng gói thầu, giá trị gói thầu thực hiện theo hình thức lựa chọn nhà thầu qua mạng tuân thủ đúng quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Khi lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho dự án, chủ đầu tư phải áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng đối với gói thầu nằm trong hạn mức phải tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng. Ngoài ra, cần ưu tiên áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu qua mạng đối với các gói thầu nằm ngoài hạn mức phải lựa chọn nhà thầu qua mạng, trường hợp chủ đầu tư áp dụng lựa chọn nhà thầu không qua mạng phải giải trình cụ thể trong nội dung trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Điều 33. Thời hạn báo cáo trong công tác đấu thầu

1. Hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp công tác đấu thầu trên địa bàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định, hoàn thành trước ngày 21 tháng 12 năm báo cáo.

2. Hàng năm, UBND cấp huyện tổng hợp, báo cáo công tác đấu thầu đối với các dự án, dự toán mua sắm thường xuyên thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo công tác đấu thầu trên địa bàn tỉnh, hoàn thành trước ngày 10 tháng 12 năm báo cáo.

3. Hàng năm, UBND cấp xã tổng hợp, báo cáo công tác đấu thầu đối với các dự án, dự toán mua sắm thường xuyên thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã, gửi phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, hoàn thành trước ngày 01 tháng 12 năm báo cáo.

4. Chủ đầu tư dự án:

a) Hàng năm, tổng hợp, báo cáo công tác đấu thầu đối với các dự án, dự toán mua sắm thường xuyên do mình làm chủ đầu tư (thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 10 tháng 12 năm báo cáo để tổng hợp, báo cáo công tác đấu thầu trên địa bàn tỉnh;

b) Thực hiện báo cáo đột xuất về công tác đấu thầu khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 34. Cung cấp thông tin trong đấu thầu

Ngoài việc cung cấp thông tin trong đấu thầu lên hệ thống mạng Đấu thầu quốc gia hoặc báo Đấu thầu theo quy định của pháp luật, Chủ đầu tư dự án, chủ dự toán mua sắm có trách nhiệm thường xuyên cập nhật thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu do mình tổ chức thực hiện lên phần mềm quản lý thông tin đấu thầu tỉnh Bắc Giang.

Khuyến khích các chủ đầu tư, bên mời thầu cung cấp thông tin để đăng tải thông tin đấu thầu rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng khác và đăng tải trên trang Website của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 35. Lựa chọn loại hợp đồng trong xây dựng

Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn đơn giản; gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp có quy mô nhỏ phải áp dụng loại hợp đồng trọn gói. Trường hợp gói thầu xây lắp không thuộc diện gói thầu quy mô nhỏ nhưng có thời gian thực hiện hợp đồng từ 18 tháng trở xuống, chủ đầu tư lựa chọn loại hợp đồng trọn gói hoặc loại hợp đồng theo đơn giá cố định khi trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án.

Điều 36. Điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng xây dựng

1. Đối với trường hợp thực hiện hợp đồng chậm tiến độ, phải điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng thì các bên phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của mỗi bên đối với những thiệt hại do chậm tiến độ gây ra làm cơ sở để xem xét điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng.

2. Khi điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng vượt thời gian thực hiện hợp đồng trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư chấp thuận điều chỉnh thời gian thực hiện gói thầu trước khi thực hiện điều chỉnh hợp đồng.

Điều 37. Trách nhiệm thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Là cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong hoạt động giám sát, đánh giá đầu tư trên địa bàn tỉnh; tổng hợp công tác giám sát, đánh giá đầu tư báo cáo UBND tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định;

b) Chủ trì thực hiện hoạt động giám sát, đánh giá đầu tư cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, giám tổng thể trên địa bàn các huyện và thành phố;

c) Thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư của người có thẩm quyền đối với các dự do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư, ủy quyền quyết định đầu tư.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư dự án khi Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện:

a) Tham mưu cho UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong hoạt động giám sát, đánh giá đầu tư trên địa bàn; tổng hợp công tác giám sát, đánh giá đầu tư trên địa bàn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định;

b) Chủ trì thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư của người có thẩm quyền đối với các dự do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư.

4. Công chức Tài chính - Kế toán cấp xã tham mưu cho UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư của chủ đầu tư và người có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với các dự do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư.

Mục 6

CẤP PHÉP XÂY DỰNG, QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH

Điều 38. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng

1. UBND tỉnh ủy quyền:

a) Sở Xây dựng cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng cho các công trình từ cấp II trở lên và công trình đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp thuộc diện phải cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ công trình ủy quyền tại điểm b khoản này);

b) Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng cho các công trình thuộc diện phải cấp giấy phép xây dựng trong các khu công nghiệp thuộc chức năng và phạm vi quản lý.

2. UBND cấp huyện cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng cho các công trình cấp III, cấp IV và nhà ở riêng lẻ thuộc diện phải cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn quản lý (trừ các công trình quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Đối với dự án có nhiều loại công trình và có cấp công trình khác nhau thì cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng cho công trình có cấp cao nhất thực hiện cấp giấy phép xây dựng cho tất cả các công trình thuộc dự án.

4. Trong quá trình thi công xây dựng công trình, trường hợp có điều chỉnh thiết kế làm thay đổi cấp công trình dẫn đến thay đổi thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật thì cơ quan cấp giấy phép xây dựng cho công trình sẽ tiếp tục cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng.

Điều 39. Trách nhiệm quản lý chất lượng công trình, bảo trì công trình

1. Sở Xây dựng:

a) Là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh; tổng hợp báo cáo tình hình quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh gửi UBND tỉnh và Bộ Xây dựng;

b) Trực tiếp quản lý chuyên môn về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng thuộc chuyên ngành theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 52 NĐ 06/CP.

c) Chủ trì tham mưu UBND tỉnh giải quyết sự cố công trình xảy ra trên địa bàn tỉnh (trừ trường hợp sự cố công trình phân cấp cho UBND cấp huyện giải quyết theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này);

d) Tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 52 NĐ 06/CP trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình do Thủ tướng Chính phủ giao cho các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện; các công trình phục vụ quốc phòng, an ninh do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện).

2. Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh:

a) Trực tiếp tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng thuộc chuyên ngành theo quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản 4 Điều 52 NĐ06/CP; báo cáo công tác quản lý chất lượng công trình và bảo trì công trình do ngành quản lý về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng và UBND tỉnh;

b) Tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 4 Điều 52 NĐ 06/CP trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình do Thủ tướng Chính phủ giao cho các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện; các công trình phục vụ quốc phòng, an ninh do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện).

3. UBND cấp huyện:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn; báo cáo định kỳ 6 tháng và cả năm về chất lượng công trình gửi Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng và UBND tỉnh;

b) Chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng cấp III trở xuống trên địa bàn quản lý;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

4. UBND cấp xã:

a) Phối hợp với Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện trong việc quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng;

b) Theo dõi tình hình xây dựng công trình trên địa bàn; trường hợp phát hiện công trình xây dựng có dấu hiệu không đảm bảo chất lượng, không đảm bảo an toàn cho người sử dụng, có nguy cơ xảy ra sự cố phải có biện pháp ngăn chặn kịp thời, tổ chức di chuyển người và tài sản, đồng thời báo cáo UBND cấp huyện để giải quyết.

c) Chỉ đạo, hỗ trợ, tổ chức lực lượng tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ hiện trường sự cố công trình trong quá trình thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng; thực hiện các công việc cần thiết khác trong quá trình giải quyết sự cố công trình.

Điều 40. Trách nhiệm kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng:

a) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc các dự án sử dụng vốn đầu tư công, nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước do cấp tỉnh và cấp huyện quản lý, có quy mô từ cấp II trở xuống thuộc lĩnh vực công trình quy định tại điểm a khoản 4 Điều 52 ND06/CP (trừ các công trình quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này);

b) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc các dự án sử dụng vốn khác thực hiện trên địa bàn tỉnh, có quy mô từ cấp II trở xuống và có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng thuộc lĩnh vực công trình quy định tại điểm a khoản 4 Điều 52 ND06/CP (trừ các công trình quy định tại khoản 3 Điều này).

2. Các Sở: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương:

a) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc các dự án sử dụng vốn đầu tư công, nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước do cấp tỉnh và cấp huyện quản lý, có quy mô từ cấp II trở xuống thuộc lĩnh vực công trình quy định tại điểm b, c, d khoản 4 Điều 52 ND06/CP (trừ các công trình quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, công trình đi qua địa phận 2 tỉnh trở lên);

b) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc các dự án sử dụng vốn khác có quy mô từ cấp II trở xuống và có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng thuộc lĩnh vực công trình quy định tại điểm b, c, d khoản 4 Điều 52 ND06/CP (trừ các công trình quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, công trình đi qua địa phận 2 tỉnh trở lên).

3. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh:

a) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc các dự án sử dụng vốn đầu tư công, nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước trong phạm vi các khu công nghiệp;

b) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc các dự án sử dụng vốn khác có quy mô từ cấp II trở xuống và có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng trong phạm vi các khu công nghiệp.

4. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc các dự án nhóm C có quy mô từ cấp III trở xuống do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 41. Thanh tra, kiểm tra hoạt động đầu tư xây dựng

1. Tất cả hoạt động về đầu tư và xây dựng do các tổ chức cá nhân thực hiện trên địa bàn tỉnh đều phải chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng nhà nước theo từng lĩnh vực quản lý.

2. Thanh tra tỉnh, thanh tra các sở, thanh tra cấp huyện thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra về quản lý đầu tư và xây dựng theo quy định của pháp luật và quy định này.

3. Kết luận thanh tra phải được công bố công khai, gửi đến các đơn vị có liên quan và Thanh tra tỉnh.

Điều 42. Xử lý chuyển tiếp

Các dự án đã được quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình trước ngày Quy định này có hiệu lực thì không phải phê duyệt lại. Các hoạt động tiếp theo của dự án thực hiện theo Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 43. Điều khoản thi hành

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan phổ biến, hướng dẫn, theo dõi kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định./.